

Số: 78/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả hoạt động Quý II và Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý III, IV năm 2024

**Kính gửi: - Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính
của Thủ tướng Chính phủ;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.**

Phúc đáp Công văn số 71/HĐTV ngày 04/6/2024 của Hội đồng Tư vấn CCTTHC (Hội đồng Tư vấn) về việc báo cáo kết quả hoạt động Quý II và phương hướng nhiệm vụ Quý III, IV/2024, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin tổng hợp báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ II NĂM 2024

1. Thực hiện các hoạt động chung của Hội đồng tư vấn theo kế hoạch hoạt động năm 2024.

Hiệp hội VASEP – thành viên Hội đồng, tham gia tích cực các hoạt động chung của Hội đồng Tư vấn theo kế hoạch hoạt động năm 2024.

- Tham gia vào 02 Ban Công tác của Hội đồng: Thành viên Ban Đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC (**Ban II**), Phó Trưởng ban Ban Thư ký (**Ban III**).

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham dự và trình bày tại Hội nghị tập huấn kỹ năng nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách và tổng hợp phản ánh, kiến nghị do Hội đồng tổ chức (tháng 4&5).

2. Về nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách cơ chế, chính sách, TTHC.

- Gửi văn bản 31/CV-VASEP ngày 11/3/2024 tới Bộ Tài chính và các Bộ v.v góp ý Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi và Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật thuế GTGT sửa đổi.

- Gửi văn bản 37/CV-VASEP ngày 25/3/2024 tới Bộ Khoa học Công nghệ và các Bộ v.v góp ý dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật.

- Gửi văn bản 39/CV-VASEP ngày 26/3/2024 tới Bộ NNPTNT v.v báo cáo, kiến nghị tình hình bất cập trong xuất khẩu hải sản sang EU liên quan kiểm soát ATTP theo chuỗi.

- Kiến nghị Bộ NNPTNT xem xét tháo gỡ vướng mắc liên quan đến H/C của nguyên liệu thủy sản NK từ New Zealand để chế biến XK đi EU tại công văn số 43/CV-VASEP ngày 08/4/2024.

- Trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị bãi bỏ hạn ngạch đối với tôm Việt Nam nhập khẩu vào Hàn Quốc tại công văn số 47/CV-VASEP ngày 15/4/2024.

- Gửi văn bản 48/CV-VASEP ngày 16/4/2024 tới Bộ NNPTNT v.v báo cáo, đề xuất việc tham vấn & kiến nghị với CQTQ Nhật Bản về bất cập trong ngưỡng chấp nhận chỉ tiêu kháng sinh Doxycycline áp dụng trong kiểm soát thủy sản NK vào Nhật Bản

- Gửi văn bản 54/CV-VASEP ngày 13/5/2024 tới Bộ NNPTNT v.v báo cáo, kiến nghị một số bất cập tại ND 37/2024/ND-CP, ND 38/2024/ND-CP và một số quy định hiện hành liên quan.

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện thủ tục và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư kinh doanh tại công văn 62/CV-VASEP ngày 14/5/2024 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Gửi văn bản số 72/CV-VASEP ngày 21/5/2024 tới Ủy ban Xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động TBXH và các Bộ ngành v.v Góp ý Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi).

3. Về tổ chức các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.

- Xây dựng video Bản tin chính sách của VASEP để đăng trên portal vasep.com.vn.

- Tổ chức 03 khóa tập huấn “kiểm kê khí nhà kính và các giải pháp xanh hóa sản xuất ngành thủy sản” cho các doanh nghiệp.

- Tổ chức hội thảo tập huấn Hội thảo tập huấn hướng dẫn thực hiện triển khai “Hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT)” cho doanh nghiệp thủy sản (*Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 52/NQ-CP ngày 22/4/2024 “Khẩn trương hoàn thiện, đưa vào sử dụng đồng bộ, thống nhất trên cả nước hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) điện tử để theo dõi, kiểm soát tính minh bạch, hợp pháp theo quy định đối với công tác xác nhận, chứng nhận nguồn gốc sản phẩm thủy sản khai thác”*).

- Tổ chức khóa tập huấn “Nâng cao năng lực hoạt động tư vấn và phản biện chính sách cho các Hội/ Hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng.

- Tổ chức Hội nghị toàn thể hội viên năm 2024 ngày 10/6/2024, các tham luận phát biểu của các DN đại diện đều bày tỏ mối quan ngại lớn trước nhiều khó khăn, thách thức hiện tại cũng như trong thời gian tới của ngành thủy sản

4. Về tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC.

4.1. Tình hình sản xuất, xuất khẩu thủy sản.

Trong năm tháng đầu năm, XK thủy sản của cả nước đạt gần 3,6 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2023. Trong số các sản phẩm chính, có mực, bạch tuộc và các loại cá khác (cá biển, cá nước ngọt) có giá trị XK thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái, giảm lần lượt 1% và 3%. XK tôm và cá tra tăng nhẹ, lần lượt tăng 7% và 4%, trong khi XK cua ghe tăng mạnh nhất (+84%), cá ngừ cũng tăng tích cực (+22%), XK nhuyễn thể có vỏ tăng 13%.

Trong top 4 thị trường hàng đầu, chỉ có Mỹ có dấu hiệu tích cực hơn với tăng trưởng 7%, trong khi XK sang Trung Quốc, Nhật Bản và EU gần như chỉ tương đương cùng kỳ năm ngoái, XK sang Hàn Quốc tăng nhẹ 2%.

Sự phục hồi chậm và dè dặt của các thị trường, áp lực cạnh tranh về giá XK và nguồn cung cùng với những khó khăn trong sản xuất chế biến trong nước như chi phí đầu vào tăng, nguyên liệu thiếu hụt...đang và sẽ tiếp tục tác động đến XK thủy sản Việt Nam trong năm 2024.

XK thủy sản 5 tháng đầu năm 2024, theo sản phẩm		
Sản phẩm	T1-T5/2024 (triệu USD)	Tăng, giảm (%)
Tôm	1.300,637	7
Cá tra	757,438	4
Cá ngừ	387,740	22
Cá khác	727,533	- 3
Mực, BT	239,078	- 1
Nhuễn thể có vỏ	62,501	13
Nhuễn thể khác	3,293	30
Cua gẹ và giáp xác khác	101,120	84
Tổng	3.579,834	6

XK thủy sản 5 tháng đầu năm 2024, theo Thị trường		
Thị trường	T1-T5/2024 (triệu USD)	Tăng, giảm (%)
Mỹ	605,230	7
TQ&HK	579,629	-0,2
Nhật Bản	582,403	0,3
EU	379,694	0,5
Hàn Quốc	299,559	2
ASEAN	236,575	-14
Trung Đông	138,137	19
Các TT khác	758,604	27
Tổng	3.579,834	6

Dự báo

Với diễn biến XK quý I tăng nhẹ 6,5% và những yếu tố tác động thị trường tiêu thụ như lạm phát, tồn kho... dự báo XK thủy sản quý II sẽ tăng nhẹ gần 4% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2,4 tỷ USD. Trong đó, XK tôm và cá tra đều tăng nhẹ 3% đạt doanh số lần lượt 975 triệu USD và 465 triệu USD. XK cá ngừ tăng khả quan hơn với mức 10% đạt 222 triệu USD. XK mực, bạch tuộc và các loài khác tăng nhẹ 4-5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kỳ vọng sau quý II, các vấn đề tồn kho và khó khăn vận tải sẽ giảm bớt, nhu cầu sẽ phục hồi và giá sẽ tăng lại vào quý III, là thời điểm nhu cầu cao phục vụ lễ Tết cuối năm.



4.2. Nhận diện Khó khăn, Vướng mắc và đề xuất giải pháp.

1. Áp trần chi phí lãi vay:

Khái niệm về “*Các bên có quan hệ liên kết*” quy định tại điểm **d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP** ngày 05/11/2020 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong đó có trường hợp: Doanh nghiệp có giao dịch liên kết là: “*Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay*”. Trong khi đó, phần lớn DN của Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các DN mới khởi nghiệp, nên nguồn vốn ngân hàng là kênh chính để đầu tư, phát triển, đặc biệt giai đoạn hiện nay ngoài nguồn vốn vay, các kênh huy động vốn từ thị trường tài chính gần như không hiệu quả. Việc quy định giao dịch đi vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp vay dài hạn để đầu tư là giao dịch liên kết, từ đó ***áp trần chi phí lãi vay để tính thuế thu nhập là không hợp lý***, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, cũng như dòng tiền của doanh nghiệp trong các năm đầu khi mới đầu tư. Giao dịch cho vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp cần được nhận định là một hoạt động kinh doanh bình thường trong đó sản phẩm là nguồn vốn. Việc áp trần chi phí lãi vay này sẽ khiến doanh nghiệp không có đủ tiềm lực hoặc ngại đầu tư, đổi mới công nghệ. Trong khi đầu tư, đổi mới là sống còn cho sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, cũng như nền kinh tế của đất nước nói chung.

Điểm c, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP có xác định các đối tượng không thuộc phạm vi áp dụng quy định về trần tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, trong đó không có các DN sản xuất:

“c) Quy định tại điểm a khoản này không áp dụng với các khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các doanh nghiệp vay lại; các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công cộng khác)”

Trong khi đó, các DN sản xuất là đối tượng cần được hỗ trợ về vốn để đầu tư, phát triển nhưng lại phải chịu áp mức trần này.

Kiến nghị:

- 1) Sửa đổi lại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP để hủy bỏ quy định coi giao dịch đi vay giữa ngân hàng và doanh nghiệp vay dài hạn để đầu tư là giao dịch liên kết, giúp DN không phải bị **áp trần chi phí lãi vay khi tính thuế TNDN**.
- 2) Sửa đổi lại quy định các đối tượng không thuộc phạm vi áp trần chi phí lãi vay tại điểm c, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP như tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, ... để các DN sản xuất không phải chịu áp mức trần của tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

2. Chính sách thuế TNDN đối với DN chế biến thủy sản.

Sau nhiều năm vướng mắc liên quan việc áp mức thuế TNDN cao tới 20% tại Cục thuế nhiều địa phương do Cục thuế xác định sản phẩm thủy sản là từ “hoạt động sơ chế”, sau kiến nghị của VASEP và tham vấn ý kiến của Bộ NNPTNT, Bộ KHĐT thì ngày 12/3/2021 Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số **2550/BTC-TCT** v/v chính sách thuế TNDN gửi Bộ NNPTNT và VASEP, đã xác định rõ “**là hoạt động chế biến thủy sản**” làm căn cứ để các Cục thuế xác định ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc này cần được Chính phủ, Bộ Tài chính đưa vào các văn bản QPPL để thực hiện thống nhất.

Kiến nghị:

Bộ Tài chính xem xét sớm đưa vào văn bản QPPL việc xác định rõ hoạt động chế biến thủy sản là “hoạt động chế biến” để thực hiện chính sách thuế TNDN theo tinh thần văn bản số 2550/BTC-TCT ngày 12/3/2021 của Bộ Tài chính và văn bản số 9494/BTC-VP ngày 6/9/2023 của Bộ Tài chính (ghi nhận ý kiến của VASEP để nghiên cứu trong quá trình xây dựng, hoàn thiện chính sách).

3. Thời gian cấp Giấy xác nhận nguyên liệu khai thác (S/C) của các cảng cá

Hiện nay, việc cấp S/C tại các cảng cá sau khi DN đưa nguyên liệu về nhà máy ở nhiều nơi đang kéo dài & mất rất nhiều thời gian, thậm chí hàng tháng hoặc nhiều lô đến 2-3 tháng – ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất và XK của các DN.

Hiện trạng bất cập này đã được VASEP báo cáo-kiến nghị với Bộ NNPTNT tại văn bản báo cáo số 01/BC-VASEP ngày 09/01/2024.

Kiến nghị:

Bộ NNPTNT xem xét thay đổi quy định về cách tiếp cận trong việc xác nhận giấy Xác nhận Nguyên liệu (S/C) tại cảng cá trong quy trình xác nhận truy xuất nguồn gốc IUU hiện nay. Đó là cấp giấy S/C ngay cho chủ hàng khi chủ hàng đã hoàn thành việc bốc dỡ nguyên liệu từ tàu có sự giám sát của nhân viên cảng về chủng loại, khối lượng... tại cảng cá. Việc này là mấu chốt giải quyết nhiều bất cập, nút thắt hiện nay trong quá trình TXNG, kiểm soát IUU.

4. Quy định kiểm dịch đối với hàng thủy sản chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa có nguồn gốc nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu (SXXK) hoặc gia công xuất khẩu (GCXK).

Hiện chưa có quy định/ hướng dẫn về “chuyển mục đích sử dụng” như kê trên tại các Thông tư về kiểm dịch thủy sản nhập khẩu của Bộ NNPTNT để người dân & DN chuyển đổi mục đích sử dụng cho hàng NK đang tạo ra một khoảng trống trong quy định đáp ứng các nhu cầu thực tiễn của DN và sản xuất kinh doanh.

Quy định về chuyển mục đích sử dụng như trên là tương đồng với các quy định pháp lý hiện hành trong các lĩnh vực tương tự khác: lĩnh vực hải quan cho phép DN chuyển loại hình đối với hàng nhập khẩu. Theo Nghị định **59/2018/NĐ-CP** ngày 20/4/2018 (khoản 12 Điều 1) và Thông tư **39/2018/TT-BTC** ngày 20/4/2018 (Khoản 10 Điều 1) về thủ tục hải quan và kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, các hàng hóa NK không chịu thuế vẫn được phép chuyển mục đích sử dụng, miễn là người khai hải quan phải khai lại tờ khai hải quan mới và phải tuân thủ đúng chính sách quản lý hàng hóa XNK, chính sách thuế đối với hàng hóa đó theo loại hình NK mới.

Quy định về chuyển mục đích sử dụng là một hành lang pháp lý cần thiết phục vụ cho QLNN cũng như thực tiễn của cuộc sống, doanh nghiệp. Việc chuyển sang loại hình nào, thì DN cần phải thực hiện đầy đủ quy trình khai báo, chịu kiểm tra theo quy định hiện hành của loại hình đó. Khi đó, CQTQ (Cơ quan Thú y/Bộ NNPTNT) có đủ công cụ kiểm soát để đảm bảo các lô hàng thủy sản được chuyển loại hình NK không gây mất ATTP.

Kiến nghị:

Bộ NNPTNT xem xét bổ sung quy định kiểm dịch đối với hàng thủy sản chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa có nguồn gốc nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu (SXXK) hoặc gia công xuất khẩu (GCXK).

5. Vướng mắc liên quan đến Giấy chứng nhận ATTP (H/C) của nguyên liệu thủy sản nhập khẩu từ New Zealand để chế biến XK vào EU

Hiện nay, lô hàng thành phẩm của DN sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu từ New Zealand chưa được cơ quan thẩm quyền (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (NAFIQPM) và các đơn vị thuộc Cục ghi nhận là đáp ứng yêu cầu nhằm giải quyết các thủ tục cần thiết (cấp H/C) cho việc XK lô hàng sang EU – do nội dung trên giấy H/C nhập khẩu cấp bởi CQTQ New Zealand không đầy đủ/tương thích với mục XI - Chương trình XK thủy sản vào EU ban hành kèm theo Quyết định 5523/QĐ-BNN-CCPT ngày 21/12/2023 của Bộ NNPTNT.

Tuy nhiên, Châu Âu và New Zealand có thỏa thuận song phương về các biện pháp vệ sinh áp dụng đối với trao đổi thương mại động vật sống và sản phẩm động vật, được qui định tại quyết định số 97/132/EC (ký ngày 17/12/1996) và một số các quyết định bổ sung, hướng dẫn bao gồm cả chi tiết tại quyết định EU 2015/1084 (ký ngày 18/02/2015). Vì vậy, các lô hàng thủy sản XK từ New Zealand (NZ) sang EU vẫn được diễn ra bình thường và thực hiện theo QĐ 97/132/EC với mẫu giấy chứng thư ATTP (H/C) kèm lô hàng được thống nhất giữa EU và NZ.

Kiến nghị:

1) Bộ NNPTNT xem xét, trên cơ sở công nhận, thừa nhận lẫn nhau và thực tiễn của vấn đề, chấp nhận mẫu H/C của các quốc gia có Thỏa thuận với EU;

2) Bộ NNPTNT xem xét giải quyết cấp H/C cho các lô hàng thành phẩm có nguyên liệu NK trước ngày QĐ 5523 có hiệu lực

6. Kích thước tối thiểu được phép khai thác của các loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên tại Nghị định 37/2024/NĐ-CP:

Phụ lục V của Nghị định 37/2024 (kể trên) quy định kích thước tối thiểu được phép khai thác của các loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên.

Theo trao đổi và phản ánh chi tiết của cộng đồng các DN, thì quy định về kích thước tối thiểu được phép khai thác tại phụ lục V kể trên đối với một số loài hải sản khai thác là không phù hợp, ví dụ một số loài cụ thể có sản lượng thương mại XNK toàn cầu lớn như sau:

- **Cá ngừ vằn** (*Katsuwonus pelamis*): Quy định chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác đối với loài này là 500mm (nửa mét). Cá ngừ vằn chiều dài 500mm thì tương đương size 5-7kg, trong khi tiêu chuẩn quốc tế đối với loài cá này là size 1,8 – 3,4kg. Các loại cá ngừ vằn để sản xuất đồ hộp hiện nay thường trung bình 1,8-3,4kg. Thực tế nhiều tàu khai thác ngừ vằn có size cỡ dưới 1kg, và khách hàng chuộng các sản phẩm đóng hộp từ nguyên liệu cá size nhỏ.

Tại quy định (EU) 2019/1241 về bảo tồn của Châu Âu, cũng không tìm thấy quy định về kích thước tối thiểu (minimum conservation reference sizes) của cá ngừ vằn (skipjack) mà chỉ có một số loài nhạy cảm; kích thước tối thiểu (minimum size) cũng thay đổi khác nhau tùy từng vùng biển và nguồn lợi tại khu vực đó. Nội dung cơ bản là EU bảo vệ nguồn lợi thủy sản bằng các biện pháp như “hạn ngạch (quota), thời gian cấm biển, nghề khai thác, FAD...”, chứ không thuần túy chỉ bằng kích thước tối thiểu. Một thực tiễn nữa mà Hiệp hội muốn chia sẻ thêm, là các tàu cá của Tây Ban Nha vẫn đánh bắt cá ngừ vằn dưới 1.5 kg và vẫn được cấp C/C. Tổ chức WCPFC cũng không có quy định kích thước tối thiểu một số loài cá ngừ, trong đó có ngừ vằn.

- **Cá Trích xương** (*Sardinella gibbosa*): Quy định chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác đối với loài này là 110mm. Tuy nhiên, loại cá trích xương có kích thước dưới 110mm trong thực tiễn khai thác ở Việt Nam mà DN thu gom được thường chiếm khoảng 1/3 lượng nguyên liệu loài này.

- **Mực ống** (*Loligo edulis* và *Loligo chinensis*): Quy định chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác đối với loài *Loligo edulis* là 80mm và đối với loài *Loligo chinensis* là 170mm là không phù hợp. Vì thực tế các loài mực ống này, theo thông lệ thương mại của khách hàng nhiều nước, được xuất khẩu chủ yếu ở các size dưới 80mm.

- **Tôm sắt cứng** (*Parapenaeopsis hardwickii*): quy định chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác đối với loài này là 70mm. Thực tế lâu nay, theo thông lệ thương mại của khách hàng nhiều nước, và lượng tôm sắt cứng với các size dưới 70mm mà DN thu gom được để sản xuất, xuất khẩu, chiếm trên 50% nguyên liệu.

Qua rà soát sơ bộ, chúng tôi thấy rằng Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019, tại Phụ lục X – danh mục các loài xuất khẩu có điều kiện không quy định chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác đối với các loài trên và một số loài khác điển hình. Trước đó, Thông tư 62/2008/TT-BNNPTNT (TT 62/2008) ngày 20/5/2008 của Bộ NNPTNT có quy định kích thước tối thiểu của các loài thủy sản kinh tế sống trong các vùng nước tự nhiên được phép khai thác (tại Phụ lục sửa đổi, bổ sung Phụ lục 7 của Thông tư số 02/2006/TT-BTS).

Nội dung quy định “khai thác loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định” tại mục b) khoản 1) Điều 60) của Luật Thủy sản (2017) là một hành vi khai thác bất hợp pháp.

Bởi vậy, khi Nghị định 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực, nhiều ngư dân khai thác ở các Tỉnh sẽ là chủ thể đầu tiên gặp không ít khó khăn liên quan đến việc tuân thủ - từ việc **thay đổi ngư cụ** mới có kích thước mắt lưới mới, phù hợp đến việc ghi chép nhật ký, khai báo & kiểm soát size cỡ của loài mà ngư dân khai thác được.

Các cơ quan được giao thực thi quản lý nhà nước có liên quan ở các địa phương (Sở NNPTNT, Chi cục thủy sản, cảng cá, biên phòng...) sẽ là những chủ thể tiếp theo, với công việc chắc chắn cũng không ít khó khăn, để tăng cường quản lý, giám sát tốt **đảm bảo 100% tàu cá ra khơi với ngư cụ, giấy tờ đầy đủ-hợp pháp-hợp lệ** theo cả các quy định mới & bổ sung; cũng như **đảm bảo 100% các tàu cá và các loài hải sản khai thác cập cảng đáp ứng các yêu cầu hiện hành, bao gồm cả size cỡ các loài khai thác cập cảng**. Và cuối cùng, các nậu vừa-đại lý và doanh nghiệp chế biến xuất khẩu sẽ không có hoặc thiếu trầm trọng nguồn nguyên liệu phù hợp, cần thiết để thu gom và xuất khẩu.

Kiến nghị:

- 1) Rà soát lại các quy định kích thước khai thác tối thiểu tại phụ lục V, ND 37/2024; và xem xét để điều chỉnh phù hợp lại thông số quy định này với một số loài thông dụng trên;
 - 2) Báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi phù hợp quy định kích thước tối thiểu được phép khai thác của các loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên, trong đó đề xuất khung tiếp cận như Nghị định 26/2019/NĐ-CP.
- 7. Quy định “Không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu” tại Nghị định 37/2024/NĐ-CP; và quy định xử phạt vi phạm hành chính cho quy định “trộn lẫn” tại khoản 4) Điều 42) Nghị định 38/2024/NĐ-CP**

Tại khoản 36) Điều 1): bổ sung Điều 70b như sau:

6. Doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản:

c) *Không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu”*

Quy định này gây hoang mang cho DN vì khi không biết khái niệm “**trộn lẫn nguyên liệu**” trong “**cùng một lô hàng xuất khẩu**” được hiểu như thế nào mới đúng. Bởi tại Luật Thủy sản (2017), Nghị định 26/2019, Nghị định 37/2024 và 38/2024 không thấy có định nghĩa cụ thể về hành vi “**trộn lẫn nguyên liệu**” kể trên.

Thực tế, đối với các DN hải sản việc sản xuất ra thành phẩm của một lô hàng có nguyên liệu từ nhiều loài, nhiều mặt hàng, từ các nguồn khác nhau như khai thác và nhập khẩu là hoàn toàn bình thường và là một thông lệ trong giao thương quốc tế hiện nay. Miễn sao đó là các hàng được chứng minh là không IUU, được kiểm soát, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và có đủ giấy tờ cần thiết để XK. Xin nêu 2 trường hợp thông dụng mô tả sau đây làm ví dụ:

Theo yêu cầu thị trường, nhiều DN hải sản SX hàng phối trộn (**seafood mix**) hoặc những **sản phẩm GTGT** – ví dụ như sản phẩm “**hải sản xiên que**”, trong đó một que xiên bao gồm cả cá ngừ, cá dứa (*cá ngừ có xuất xứ từ nhập khẩu; cá dứa thu mua trong nước*). Các loại nguyên liệu này đều không IUU, truy xuất được và có đủ giấy tờ cần thiết. Nếu thực hiện quy định kể trên, thì DN bắt buộc phải: i) tách các miếng cá ra khỏi que, ii) những miếng cá nào có nguồn gốc nhập khẩu thì đóng vào 1 container riêng; iii) những miếng cá nào từ nguồn khai thác trong nước sẽ đóng vào riêng container khác, kèm với số que để xiên. Khi các container riêng rẽ sang được bên kia và khách hàng đã nhận được đủ, thì đề nghị khách hàng sẽ tự lấy 2 loại cá để xiên vào que để thành sản phẩm “hải sản xiên que” theo đúng quy cách yêu cầu.

Hay thực tiễn hiện nay, vấn đề “**cont ghép**” là khá phổ biến và là thông lệ thương mại quốc tế. Ví dụ khách hàng có thể đặt và yêu cầu giao 01 container gồm: 10 tấn cá ngừ, 5 tấn cá phèn và 5 tấn cá nục. Cá ngừ thì từ nguồn nhập khẩu, cá phèn-nục thì thu mua từ bà con ngư dân trong nước. Tất cả đều có giấy tờ chứng minh hợp pháp, hợp lệ, không vi phạm. Nhưng nếu DN thực hiện theo quy định kể trên của NĐ 37/2024 thì **bắt buộc phải tách container trên ra thành 02 container**: tách 10 tấn cá ngừ ra đóng riêng vào 1 container, và số cá phèn, cá nục (10 tấn) đóng riêng vào container thứ 2.

Với cả 2 trường hợp thực tế kể trên: Quy định “không trộn lẫn...” này không chỉ khiến DN phải trả gấp đôi chi phí logistic & cước tàu vận chuyển đường biển ra nước ngoài, mà còn phát sinh gấp đôi nguồn lực & chi phí quản lý/thông quan của cả DN cùng nhà nhập khẩu ở nước ngoài. Điều quan trọng là không chỉ phát sinh thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ mà đặc biệt Hiệp hội và DN cũng chưa thấy phương thức/quy định này của các nước cùng đang XK hải sản khai thác vào EU.

Kiến nghị:

- 1) Bộ NN&PTNT rà soát, đánh giá lại và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, tháo gỡ phù hợp quy định «không trộn lẫn...» kể trên tại **ý c, điểm 6, khoản 36 (bổ sung Điều 70b) của Nghị định 37/2024** để cộng đồng DN hiểu rõ và tuân thủ đầy đủ quy định liên quan này nhằm thực hiện chống khai thác IUU tốt mà không ảnh hưởng tiêu cực đến các trách nhiệm & quyền tự chủ kinh doanh của DN.
- 2) Tương tự vậy với nội dung quy định tại **khoản 4) Điều 42) Nghị định 38/2024**, Bộ NN&PTNT rà soát và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi phù hợp để đảm bảo việc xử phạt vi phạm phải tương ứng & đúng với các hành vi đã quy định tại Nghị định 37/2024 – giúp cộng đồng DN và các cơ quan thẩm quyền có liên quan cùng hiểu rõ giống nhau và thực thi xử lý vi phạm đúng, tránh việc hiểu khác, hiểu sai lệch với quy định hành vi có liên quan tại NĐ 37/2024. Đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của các Nghị định.

Hiệp hội VASEP xin báo cáo Hội đồng Tư vấn quan tâm và xem xét.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCH, BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VPHH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ

Trương Đình Hòa